

**DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI FPT**  
**(Áp dụng từ ngày 09/02/2026)**

| STT | Mã  | Tên công ty                                                           | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|-----------------------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 1   | AAA | Công ty cổ phần Nhựa An Phát Xanh                                     | HSX | 20                |
| 2   | ABT | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre                       | HSX | 40                |
| 3   | ACB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu                                   | HSX | 50                |
| 4   | ACG | Công ty cổ phần Gỗ An Cường                                           | HSX | 10                |
| 5   | ADP | Công ty cổ phần Sơn Á Đông                                            | HSX | 10                |
| 6   | ADS | Công ty cổ phần Damsan                                                | HSX | 20                |
| 7   | AGG | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia              | HSX | 10                |
| 8   | AGR | Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank                                  | HSX | 10                |
| 9   | ANV | Công ty Cổ phần Nam Việt                                              | HSX | 40                |
| 10  | AST | Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco                             | HSX | 30                |
| 11  | BAF | Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam                              | HSX | 10                |
| 12  | BCM | Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP                  | HSX | 40                |
| 13  | BFC | Công ty cổ phần Phân bón Bình Điền                                    | HSX | 50                |
| 14  | BIC | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | HSX | 40                |
| 15  | BID | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam            | HSX | 50                |
| 16  | BMC | Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định                                  | HSX | 20                |
| 17  | BMI | Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh                                         | HSX | 50                |
| 18  | BMP | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh                                        | HSX | 50                |
| 19  | BRC | Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành                                      | HSX | 10                |
| 20  | BSI | Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam   | HSX | 30                |
| 21  | BSR | Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn                                  | HSX | 50                |
| 22  | BTP | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa                                     | HSX | 20                |
| 23  | BTT | Công ty Cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành                        | HSX | 10                |
| 24  | BVH | Tập Đoàn Bảo Việt                                                     | HSX | 50                |
| 25  | BWE | Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương                          | HSX | 50                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                  | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|--------------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 26  | CCL | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long | HSX | 10                |
| 27  | CHP | CTCP Thủy điện Miền Trung                                    | HSX | 40                |
| 28  | CII | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM               | HSX | 30                |
| 29  | CLC | Công ty Cổ phần Cát Lợi                                      | HSX | 30                |
| 30  | CLL | Công ty cổ phần Cảng Cát Lái                                 | HSX | 30                |
| 31  | CLW | Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn                             | HSX | 10                |
| 32  | CMG | Công ty cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC                       | HSX | 30                |
| 33  | CNG | Công ty cổ phần CNG Việt Nam                                 | HSX | 50                |
| 34  | CSM | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam                  | HSX | 30                |
| 35  | CSV | Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản miền Nam                     | HSX | 40                |
| 36  | CTD | Công ty cổ phần Xây dựng Coteccons                           | HSX | 50                |
| 37  | CTG | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam            | HSX | 50                |
| 38  | CTI | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO          | HSX | 40                |
| 39  | CTR | Tổng Công ty Cổ phần Công trình Viettel                      | HSX | 50                |
| 40  | CTS | Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam   | HSX | 40                |
| 41  | D2D | CTCP Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2                      | HSX | 30                |
| 42  | DBC | Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam                     | HSX | 50                |
| 43  | DBD | Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định         | HSX | 40                |
| 44  | DC4 | Công ty Cổ phần DICERA Holdings                              | HSX | 10                |
| 45  | DCM | Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau                      | HSX | 50                |
| 46  | DGC | Công ty cổ phần Tập đoàn Hóa chất Đức Giang                  | HSX | 30                |
| 47  | DGW | Công ty cổ phần Thế giới số                                  | HSX | 50                |
| 48  | DHA | Công ty Cổ phần Hóa An                                       | HSX | 50                |
| 49  | DHC | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre                             | HSX | 40                |
| 50  | DHG | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang                               | HSX | 50                |
| 51  | DIG | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng              | HSX | 40                |
| 52  | DMC | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế Domesco                  | HSX | 30                |
| 53  | DPG | Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương                          | HSX | 30                |
| 54  | DPM | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP               | HSX | 50                |

| STT | Mã       | Tên công ty                                            | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|----------|--------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 55  | DPR      | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                        | HSX | 50                |
| 56  | DRC      | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng                         | HSX | 40                |
| 57  | DRL      | Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3                 | HSX | 10                |
| 58  | DSC      | Công ty cổ phần Chứng khoán DSC                        | HSX | 10                |
| 59  | DSE      | Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE                       | HSX | 20                |
| 60  | DSN      | CTCP Công viên nước Dầm Sen                            | HSX | 30                |
| 61  | DVP      | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ      | HSX | 40                |
| 62  | DXG      | Công ty cổ phần Tập đoàn Đất Xanh                      | HSX | 30                |
| 63  | DXS      | Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh          | HSX | 10                |
| 64  | E1VFN30  | Quỹ ETF VFMVN30                                        | HSX | 50                |
| 65  | EIB      | Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam                 | HSX | 30                |
| 66  | ELC      | Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom           | HSX | 30                |
| 67  | EVE      | CTCP Everpia                                           | HSX | 20                |
| 68  | EVF      | Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực                     | HSX | 20                |
| 69  | FMC      | Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta                       | HSX | 50                |
| 70  | FPT      | Công ty Cổ phần FPT                                    | HSX | 50                |
| 71  | FRT      | Công ty cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT                 | HSX | 40                |
| 72  | FUESSVFL | Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD                               | HSX | 30                |
| 73  | FUEVFNVD | Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND                                | HSX | 50                |
| 74  | GAS      | Tổng Công ty khí Việt Nam - Công ty cổ phần            | HSX | 50                |
| 75  | GEE      | Công ty cổ phần Điện lực Gelex                         | HSX | 10                |
| 76  | GEG      | Công ty cổ phần Điện Gia Lai                           | HSX | 30                |
| 77  | GEX      | Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX                         | HSX | 20                |
| 78  | GMD      | Công ty Cổ phần Gemadept                               | HSX | 50                |
| 79  | GSP      | Công ty cổ phần Vận tải Sản phẩm khí quốc tế           | HSX | 30                |
| 80  | GVR      | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty cổ phần | HSX | 50                |
| 81  | HAG      | CTCP Hoàng Anh Gia Lai                                 | HSX | 10                |
| 82  | HAH      | Công ty cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An               | HSX | 50                |
| 83  | HAX      | Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                 | HSX | 30                |
| 84  | HCD      | Công ty cổ phần Đầu tư Sản xuất và Thương mại HCD      | HSX | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                              | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|----------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 85  | HCM | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh        | HSX | 50                |
| 86  | HDB | Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh          | HSX | 40                |
| 87  | HDC | Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa- Vũng Tàu          | HSX | 20                |
| 88  | HHV | Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả         | HSX | 40                |
| 89  | HMC | Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel  | HSX | 10                |
| 90  | HNA | Công ty cổ phần Thủy điện Hủa Na                         | HSX | 10                |
| 91  | HPG | Công ty cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                        | HSX | 50                |
| 92  | HSG | Công ty cổ phần tập đoàn Hoa Sen                         | HSX | 50                |
| 93  | HT1 | CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên                               | HSX | 50                |
| 94  | HTG | Tổng công ty cổ phần Dệt may Hòa Thọ                     | HSX | 50                |
| 95  | HTI | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển hạ tầng IDICO          | HSX | 40                |
| 96  | HUB | Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế                   | HSX | 20                |
| 97  | IJC | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật              | HSX | 50                |
| 98  | ILB | Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình                 | HSX | 30                |
| 99  | IMP | Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM                      | HSX | 50                |
| 100 | ITC | Công ty Cổ phần Đầu tư - Kinh doanh Nhà                  | HSX | 20                |
| 101 | ITD | Công ty Cổ phần Công nghệ ITD                            | HSX | 10                |
| 102 | KBC | Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc-CTCP             | HSX | 40                |
| 103 | KDC | Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO                            | HSX | 30                |
| 104 | KDH | Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh nhà Khang Điền         | HSX | 50                |
| 105 | KHP | Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa                       | HSX | 10                |
| 106 | KSB | CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương                   | HSX | 40                |
| 107 | LAF | Công ty Cổ phần Chế biến Hàng xuất khẩu Long An          | HSX | 10                |
| 108 | LBM | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng | HSX | 30                |
| 109 | LCG | Công ty cổ phần LIZEN                                    | HSX | 40                |
| 110 | LHG | Công ty cổ phần Long Hậu                                 | HSX | 40                |
| 111 | LIX | Công ty Cổ phần Bột giặt Lix                             | HSX | 50                |
| 112 | LPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam           | HSX | 30                |
| 113 | LSS | Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn                        | HSX | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                             | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|---------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 114 | MBB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội                   | HSX | 50                |
| 115 | MCM | Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu                   | HSX | 30                |
| 116 | MIG | Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân Đội                  | HSX | 40                |
| 117 | MSB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam          | HSX | 40                |
| 118 | MSH | Công ty cổ phần May Sông Hồng                           | HSX | 50                |
| 119 | MSN | Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan                          | HSX | 40                |
| 120 | MWG | Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới Di động                 | HSX | 50                |
| 121 | NAB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á                      | HSX | 20                |
| 122 | NAF | Công ty Cổ phần Nafoods Group                           | HSX | 30                |
| 123 | NCT | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài                | HSX | 40                |
| 124 | NHA | Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị Nam Hà Nội | HSX | 10                |
| 125 | NHH | Công ty cổ phần Nhựa Hà Nội                             | HSX | 10                |
| 126 | NKG | CTCP Thép Nam Kim                                       | HSX | 40                |
| 127 | NLG | Công ty cổ phần Đầu tư Nam Long                         | HSX | 50                |
| 128 | NNC | Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ                              | HSX | 40                |
| 129 | NSC | Công ty cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam       | HSX | 40                |
| 130 | NT2 | CTCP Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2                      | HSX | 50                |
| 131 | NTL | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm               | HSX | 40                |
| 132 | OCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông                | HSX | 30                |
| 133 | OPC | Công ty cổ phần Dược phẩm OPC                           | HSX | 40                |
| 134 | ORS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong                  | HSX | 10                |
| 135 | PAC | Công ty Cổ phần PinẮc quy Miền Nam                      | HSX | 40                |
| 136 | PAN | Công ty cổ phần Tập đoàn PAN                            | HSX | 40                |
| 137 | PC1 | Công ty cổ phần Xây lắp điện 1                          | HSX | 30                |
| 138 | PDN | Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai                           | HSX | 40                |
| 139 | PDR | CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt                   | HSX | 10                |
| 140 | PET | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí           | HSX | 30                |
| 141 | PGC | Tổng Công ty Gas Petrolimex-CTCP                        | HSX | 50                |
| 142 | PGI | Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Petrolimex                | HSX | 40                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                         | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|---------------------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 143 | PHR | Công ty cổ phần Cao su Phước Hòa                                    | HSX | 50                |
| 144 | PLX | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                                          | HSX | 50                |
| 145 | PNJ | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận                           | HSX | 50                |
| 146 | POW | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam -Công ty cổ phần             | HSX | 50                |
| 147 | PPC | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                                  | HSX | 30                |
| 148 | PTB | Công ty cổ phần Phú Tài                                             | HSX | 50                |
| 149 | PVD | Tổng Công ty CP khoan và dịch vụ khoan dầu khí                      | HSX | 50                |
| 150 | PVP | Công ty cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương                     | HSX | 50                |
| 151 | PVT | Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                                | HSX | 50                |
| 152 | REE | Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh                                        | HSX | 50                |
| 153 | S4A | Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A                                 | HSX | 10                |
| 154 | SAB | Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn            | HSX | 50                |
| 155 | SAM | Công ty Cổ phần SAM Holdings                                        | HSX | 10                |
| 156 | SBA | Công ty Cổ phần Sông Ba                                             | HSX | 50                |
| 157 | SBT | Công ty Cổ phần Thành Thành Công-Biên Hòa                           | HSX | 30                |
| 158 | SCS | Công ty cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                            | HSX | 50                |
| 159 | SFG | Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam                                   | HSX | 10                |
| 160 | SFI | Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI                                 | HSX | 30                |
| 161 | SGN | Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn                             | HSX | 40                |
| 162 | SGR | Công ty cổ phần Tổng Công ty cổ phần Địa Ốc Sài Gòn                 | HSX | 10                |
| 163 | SHB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn - Hà Nội                       | HSX | 40                |
| 164 | SHP | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam                                  | HSX | 40                |
| 165 | SIP | Công ty cổ phần Đầu tư Sài Gòn VRG                                  | HSX | 50                |
| 166 | SJD | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn                                   | HSX | 30                |
| 167 | SJS | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà | HSX | 10                |
| 168 | SKG | Công ty cổ phần Tàu cao tốc Superdong-Kiên Giang                    | HSX | 30                |
| 169 | SMB | Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung                            | HSX | 30                |
| 170 | SSB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á                             | HSX | 30                |
| 171 | SSC | Công ty Cổ phần Giống Cây trồng Miền Nam                            | HSX | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                | Sàn | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|------------------------------------------------------------|-----|-------------------|
| 172 | SSI | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                            | HSX | 50                |
| 173 | STB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín            | HSX | 40                |
| 174 | STK | Công ty cổ phần Sợi Thế Kỷ                                 | HSX | 10                |
| 175 | SZC | Công ty cổ phần Sonadezi Châu Đức                          | HSX | 40                |
| 176 | SZL | Công ty cổ phần Sonadezi Long Thành                        | HSX | 50                |
| 177 | TCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam            | HSX | 40                |
| 178 | TCH | Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy         | HSX | 10                |
| 179 | TCL | Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng   | HSX | 40                |
| 180 | TCM | CTCP Dệt may- Đầu tư- Thương mại Thành Công                | HSX | 50                |
| 181 | TCO | Công ty cổ phần TCO Holdings                               | HSX | 10                |
| 182 | TCT | Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh                   | HSX | 10                |
| 183 | TDC | CTCP kinh doanh và phát triển Bình Dương                   | HSX | 10                |
| 184 | TDM | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một                           | HSX | 40                |
| 185 | THG | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang              | HSX | 40                |
| 186 | TIP | CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa                  | HSX | 20                |
| 187 | TLG | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long                        | HSX | 40                |
| 188 | TPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong                    | HSX | 50                |
| 189 | TRA | Công ty Cổ phần Traphaco                                   | HSX | 20                |
| 190 | TRC | Công ty Cổ phần Cao su Tây Ninh                            | HSX | 40                |
| 191 | TTA | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành | HSX | 30                |
| 192 | TV2 | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                     | HSX | 30                |
| 193 | TVS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt                     | HSX | 10                |
| 194 | TYA | Công ty cổ phần Dây và Cáp điện TAYA Việt Nam              | HSX | 10                |
| 195 | UIC | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Idico      | HSX | 30                |
| 196 | VAB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á                        | HSX | 10                |
| 197 | VCB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam         | HSX | 50                |
| 198 | VCG | Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam   | HSX | 30                |
| 199 | VCI | Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt                       | HSX | 50                |
| 200 | VDP | Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương Vidipha               | HSX | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                       | Sàn        | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|---------------------------------------------------|------------|-------------------|
| 201 | VDS | Công ty Cổ phần chứng khoán Rồng Việt             | HSX        | 30                |
| 202 | VFG | Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam                | HSX        | 40                |
| 203 | VGC | Tổng Công ty Viglacera - CTCP                     | HSX        | 50                |
| 204 | VHC | Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn                         | HSX        | 50                |
| 205 | VHM | Công ty cổ phần Vinhomes                          | HSX        | 30                |
| 206 | VIB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam     | HSX        | 40                |
| 207 | VIP | Công ty Cổ phần vận tải xăng dầu VIPCO            | HSX        | 30                |
| 208 | VIX | Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX                   | HSX        | 20                |
| 209 | VJC | Công ty cổ phần Hàng không VIETJET                | HSX        | 20                |
| 210 | VND | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT              | HSX        | 50                |
| 211 | VNL | Công ty cổ phần Logistics Vinalink                | HSX        | 10                |
| 212 | VNM | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                      | HSX        | 50                |
| 213 | VNS | Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam                | HSX        | 20                |
| 214 | VPB | Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng | HSX        | 50                |
| 215 | VPD | Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam      | HSX        | 30                |
| 216 | VPS | Công ty Cổ phần Thuốc sát trùng Việt Nam          | HSX        | 10                |
| 217 | VRE | Công ty Cổ phần Vincom Retail                     | HSX        | 30                |
| 218 | VSC | Công ty cổ phần Container Việt Nam                | HSX        | 50                |
| 219 | VSI | Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cấp thoát nước | HSX        | 30                |
| 220 | VTP | Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel            | HSX        | 30                |
| 221 | YEG | Công ty cổ phần Tập đoàn Yeah1                    | HSX        | 10                |
| 222 | BAB | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á                | HNX.LISTED | 10                |
| 223 | BTW | CTCP Cấp nước Bến Thành                           | HNX.LISTED | 10                |
| 224 | BVS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt              | HNX.LISTED | 40                |
| 225 | CAP | Công ty cổ phần Lâm nông sản thực phẩm Yên Bái    | HNX.LISTED | 20                |
| 226 | CLH | CTCP Xi măng La Hiên VVMI                         | HNX.LISTED | 10                |
| 227 | DHT | Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây                  | HNX.LISTED | 10                |
| 228 | DP3 | CTCP Dược phẩm Trung ương 3                       | HNX.LISTED | 30                |
| 229 | DTD | Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Thành Đạt       | HNX.LISTED | 10                |



| STT | Mã  | Tên công ty                                         | Sàn        | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|-----------------------------------------------------|------------|-------------------|
| 230 | DVM | Công ty cổ phần Dược liệu Việt Nam                  | HNX.LISTED | 10                |
| 231 | DXP | Công ty cổ phần Cảng Đoạn Xá                        | HNX.LISTED | 30                |
| 232 | EBS | CTCP Sách giáo dục tại TP, Hà Nội                   | HNX.LISTED | 10                |
| 233 | EID | CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội           | HNX.LISTED | 10                |
| 234 | GIC | Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ và Phát triển Xanh   | HNX.LISTED | 20                |
| 235 | HCC | CTCP Bê tông Hoà Cầm - INTIMEX                      | HNX.LISTED | 10                |
| 236 | HJS | CTCP Thủy điện Nậm Mu                               | HNX.LISTED | 10                |
| 237 | HLC | CTCP Than Hà Lầm - Vinacomin                        | HNX.LISTED | 10                |
| 238 | HTC | Công ty Cổ phần Thương mại Hóc Môn                  | HNX.LISTED | 10                |
| 239 | HUT | Công ty Cổ phần Tasco                               | HNX.LISTED | 10                |
| 240 | HVT | Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì                   | HNX.LISTED | 30                |
| 241 | IDC | Tổng công ty IDICO – CTCP                           | HNX.LISTED | 50                |
| 242 | IDV | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Vĩnh Phúc        | HNX.LISTED | 30                |
| 243 | INN | Công ty Cổ phần Bao bì và In Nông nghiệp            | HNX.LISTED | 40                |
| 244 | IPA | Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư I.P.A               | HNX.LISTED | 10                |
| 245 | L14 | CTCP Licogi 14                                      | HNX.LISTED | 10                |
| 246 | LAS | Công ty cổ phần Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao | HNX.LISTED | 40                |
| 247 | LHC | CTCP Đầu tư và XD Thủy Lợi Lâm Đồng                 | HNX.LISTED | 30                |
| 248 | MBS | Công ty cổ phần Chứng khoán MB                      | HNX.LISTED | 50                |
| 249 | MDC | CTCP Than Mông Dương - Vinacomin                    | HNX.LISTED | 10                |
| 250 | NBC | CTCP Than Núi Béo - Vinacomin                       | HNX.LISTED | 10                |
| 251 | NBW | CTCP Cấp nước Nhà Bè                                | HNX.LISTED | 10                |
| 252 | NDN | CTCP Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng                  | HNX.LISTED | 20                |
| 253 | NET | Công ty Cổ phần Bột giặt Net                        | HNX.LISTED | 40                |
| 254 | NFC | CTCP Phân lân Ninh Bình                             | HNX.LISTED | 20                |
| 255 | NST | Công ty cổ phần Ngân Sơn                            | HNX.LISTED | 10                |
| 256 | NTH | CTCP Thủy điện Nước Trong                           | HNX.LISTED | 10                |
| 257 | NTP | Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong          | HNX.LISTED | 50                |
| 258 | PCE | CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung        | HNX.LISTED | 10                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                                | Sàn        | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|------------------------------------------------------------|------------|-------------------|
| 259 | PDB | Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Din Capital                | HNX.LISTED | 10                |
| 260 | PGS | Công ty cổ phần Kinh doanh Khí miền Nam                    | HNX.LISTED | 30                |
| 261 | PHN | CTCP Pin Hà Nội                                            | HNX.LISTED | 10                |
| 262 | PIC | CTCP Đầu tư Điện lực 3                                     | HNX.LISTED | 10                |
| 263 | PLC | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex-CTCP                       | HNX.LISTED | 40                |
| 264 | PMC | CTCP Dược phẩm dược liệu Pharmedic                         | HNX.LISTED | 20                |
| 265 | PPS | Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam | HNX.LISTED | 10                |
| 266 | PRE | Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm PVI                      | HNX.LISTED | 30                |
| 267 | PSD | CTCP Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí                    | HNX.LISTED | 10                |
| 268 | PSW | Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ    | HNX.LISTED | 10                |
| 269 | PTI | TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN                     | HNX.LISTED | 10                |
| 270 | PVB | Công ty cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam                   | HNX.LISTED | 40                |
| 271 | PVC | Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem)   | HNX.LISTED | 10                |
| 272 | PVG | Công ty cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam                    | HNX.LISTED | 10                |
| 273 | PVI | Công ty Cổ phần PVI                                        | HNX.LISTED | 50                |
| 274 | PVS | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam     | HNX.LISTED | 50                |
| 275 | S99 | Công ty cổ phần SCI                                        | HNX.LISTED | 10                |
| 276 | SAF | CTCP Lương thực Thực phẩm SAFOCO                           | HNX.LISTED | 10                |
| 277 | SD5 | Công ty Cổ phần Sông Đà 5                                  | HNX.LISTED | 20                |
| 278 | SEB | Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung            | HNX.LISTED | 30                |
| 279 | SED | CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam              | HNX.LISTED | 10                |
| 280 | SHS | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội               | HNX.LISTED | 30                |
| 281 | SJE | Công ty cổ phần Sông Đà 11                                 | HNX.LISTED | 10                |
| 282 | SLS | Công ty cổ phần Mía đường Sơn La                           | HNX.LISTED | 30                |
| 283 | SZB | Công ty cổ phần Sonadezi Long Bình                         | HNX.LISTED | 30                |
| 284 | TDT | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển TDT                   | HNX.LISTED | 10                |
| 285 | TFC | Công ty cổ phần Trang                                      | HNX.LISTED | 20                |
| 286 | TMB | CTCP Kinh doanh than miền Bắc-Vinacomin                    | HNX.LISTED | 10                |
| 287 | TNG | Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG                   | HNX.LISTED | 40                |
| 288 | TV4 | CTCP Tư vấn Xây dựng điện 4                                | HNX.LISTED | 10                |
| 289 | TVD | CTCP Than Vàng Danh - Vinacomin                            | HNX.LISTED | 10                |
| 290 | VCS | Công ty cổ phần VICOSTONE                                  | HNX.LISTED | 50                |

| STT | Mã  | Tên công ty                                         | Sàn        | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-----|-----------------------------------------------------|------------|-------------------|
| 291 | VFS | Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt               | HNX.LISTED | 10                |
| 292 | VGS | CTCP Ống thép Việt Đức VG PiPe                      | HNX.LISTED | 20                |
| 293 | VHE | Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam     | HNX.LISTED | 20                |
| 294 | VNR | Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam | HNX.LISTED | 50                |
| 295 | VSA | CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam                       | HNX.LISTED | 10                |
| 296 | WCS | CTCP Bến xe Miền Tây                                | HNX.LISTED | 10                |